TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2023/HNGĐ-ST
Ngày 22- 9-2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dịu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Ngọc Minh

Bà Phan Thị Minh Phương

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Bùi Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2023QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06/9/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Ngô Văn H, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Thôn K1, xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt .

- *Bị đơn:* Chị Bùi Thị T, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Thôn K1, xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng đã được Tòa án tuyên bố mất tích, hiện không rõ tung tích.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 19 tháng 4 năm 2023 và các bản khai trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Ngô Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh tự nguyện đăng ký kết hôn với chị Bùi Thị T tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng ngày 03/9/2013 (Giấy chứng nhận kết hôn số 45). Quá trình chung sống, anh chị xảy ra mâu thuẫn trầm trọng từ cuối năm 2016, do bất đồng quan điểm sống, chị T ham chơi bài bạc, không quan tâm đến gia đình, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau nên chị T đã bỏ nhà đi từ tháng 9 năm 2017 đến nay không tin tức gì, mặc dù anh và gia đình đã đi nhiều nơi, gặp nhiều người để hỏi thăm tin tức cũng như tìm kiếm chị T nhưng không có kết quả. Do đó ngày 23 tháng 9 năm 2022 anh gửi đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện K tuyên bố chị Bùi Thị T mất tích. Ngày 10/3/2023 Tòa án nhân dân huyện K đã quyết định tuyên bố chị Bùi Thị T mất tích. Từ sau khi Tòa án tuyên bố chị T mất tích đến nay vẫn không thấy tin tức gì về chị T. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh xin ly hôn chị T.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Ngô Mạnh H1, sinh ngày 02/ 01/2014; Ngô Hoài Ngọc H2, sinh ngày 06/10/2016, hiện nay anh đang nuôi dưỡng cháu H1. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1 đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu H2, đã được chị T mang đi khỏi nhà từ tháng 9 năm 2017 đến nay không có tung tích gì, anh không biết cháu H2 ở đâu, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Bùi Thị T vắng mặt tại phiên tòa, hiện nay không rõ tung tích nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, anh H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và không thay đổi nội dung, yêu cầu nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; Bị đơn đã bị Tòa án tuyên bố mất tích nên không có cơ sở xác định bị đơn không chấp hành quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sự vắng mặt của bị đơn nhưng đã được Tòa án niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12

năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Ngô Văn H, cho anh Ngô Văn H được ly hôn chị Bùi Thị T.

- Về con chung: Giao cháu Ngô Mạnh H1, sinh ngày 02/01/2014 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Đối với cháu Ngô Hoài Ngọc H2, sinh ngày 06/10/2016, hiện nay không có mặt tại địa phương và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Anh H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Ngô Văn H xin ly hôn chị Bùi Thị T và yêu cầu giải quyết nuôi con tại Tòa án nhân dân huyện K. Chị T có nơi cư trú cuối cùng tại xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng; căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là quan hệ pháp luật về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt đương sự tại phiên tòa: Anh Ngô Văn H (là nguyên đơn) vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Chị Bùi Thị T (là bị đơn) vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được Tòa án tuyên bố chị T mất tích theo Quyết định số 02/2023/QĐDS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2023. Nay Tòa án đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng chị T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H, chị T.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Văn H xin ly hôn chị Bùi Thị T; căn cứ lời khai của anh H và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cũng như chính quyền xã H cung cấp thì hôn nhân của anh Ngô Văn H và chị Bùi Thị T là hôn nhân hợp pháp. Thời gian chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn từ cuối năm 2016, do chị T ham chơi bài bạc, không quan tâm đến gia đình, từ đó vợ chồng

thường xuyên cãi chửi nhau nên tháng 9 năm 2017, chị T đã bỏ nhà đi không tin tức gì. Do đó ngày 23 tháng 9 năm 2022, anh H gửi đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện K tuyên bố chị Bùi Thị T mất tích. Ngày 10/3/2023, Tòa án nhân dân huyện K ban hành *"Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc tuyên bố một người mất tích"* đối với chị Bùi Thị T. Như vậy đủ cơ sở xác định hôn nhân của anh chị thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Nay anh H xin ly hôn chị T có cơ sở chấp nhận nên xử cho anh H được ly hôn chị T là phù hợp với các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự cũng như ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Ngô Mạnh H1, sinh ngày 02/ 01/2014; Ngô Hoài Ngọc H2, sinh ngày 06/10/2016, hiện nay anh H đang nuôi dưỡng cháu H1. Nay ly hôn, nguyện vọng của anh H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1 đến khi cháu đủ 18 tuổi, nguyện vọng của cháu H1 xin được ở với anh H. Do đó cần giao cháu H1 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp; nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh H không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị T. Đối với cháu H2, theo lời khai của anh H thì khi chị T bỏ nhà đi có mang theo cháu H2 đi cùng, đến nay anh không biết cháu H2 ở đâu, không có tung tích; chính quyền xã H cũng xác nhận không có mặt cháu H2 tại gia đình, địa phương, mặt khác anh H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Nếu sau này, anh H, chị T yêu cầu giải quyết thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

- Về tài sản, công nợ: Anh H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh Ngô Văn H không thuộc trường hợp được miễn án phí nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Văn H được ly hôn chị Bùi Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Mạnh H1, sinh ngày 02/01/2014 cho anh Ngô Văn H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Bùi Thị T. Đối với cháu Ngô Hoài Ngọc H2, sinh ngày 06/10/2016, không có mặt tại địa phương, không có tung tích, anh H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Nếu người có quyền yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, chị Bùi Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Ngô Văn H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (bă trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001929 ngày 09 tháng 5 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Anh H đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Ngô Văn H, chị Bùi Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã H;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Dịu